

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 142 /QĐ-UBND

Uông Bí, ngày 14 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v tạm giao chỉ tiêu số lượng người làm việc, hợp đồng cho các đơn vị
sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí năm 2021

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/10/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ quy định về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND, ngày 03/3/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Quy định tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và người quản lý doanh nghiệp thuộc UBND tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc giao số lượng người làm việc, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Quảng Ninh năm 2020; Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc tạm giao chỉ tiêu hợp đồng lao động năm 2020 cho các cơ quan, đơn vị, địa phương năm 2020;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 10/TTr-TC-NV ngày 14/01/2021 của Cơ quan Tổ chức - Nội vụ thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm giao chỉ tiêu số lượng người làm việc, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ năm 2021, hợp đồng lao động cho các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quản lý (có danh sách cụ thể kèm theo).

Biên chế của các Trạm Y tế thuộc quyền quản lý của UBND thành phố giao cho Trưởng Phòng Y tế thành phố căn cứ biên chế được tỉnh giao, giao cho các Trạm Y tế đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Trường phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố căn cứ vào chỉ tiêu biên chế cân đối nguồn tài chính năm 2021 cho các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND thành phố quản lý.

Thủ trưởng các đơn vị căn cứ chỉ tiêu biên chế để phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức đơn vị mình đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố, Thủ trưởng Cơ quan Tổ chức - Nội vụ, Trường phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố, Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị liên quan căn cứ quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND thành phố (B/c);
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Kho Bạc nhà nước thành phố;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, NV.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ



**SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TẠI CÁC TRƯỜNG HỌC
THUỘC UBND THÀNH PHỐ QUẢN LÝ NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 14/01/2021 của UBND thành phố Uông Bí)

STT	Trường	BIÊN CHẾ NĂM 2021	Ghi chú
I	Mầm non	367	
1	MN Bắc Sơn	27	
2	MN Quang Trung	34	
3	MN Trung Vương	27	
4	MN Thượng Yên Công	26	
5	MN Diên Công	14	
6	MN 19/5	25	
7	MN Nam Khê	23	
8	MN Phương Đông	47	
9	MN Phương Nam	40	
10	MN Thanh Sơn	38	
11	MN Vàng Danh	19	
12	MN Yên Thanh	27	
13	MN Đông Chanh	20	
II	Tiểu học	580	
1	TH Kim Đồng	23	
2	TH Lê Hồng Phong	33	
3	TH Lê Lợi	54	
4	TH Nguyễn Bá Ngọc	18	
5	TH Trần Hưng Đạo	24	
6	TH Trung Vương	42	
7	TH Yên Thanh	46	
8	TH Lý Thường Kiệt	46	
9	TH Phương Đông A	26	
10	TH Phương Đông B	52	
11	TH Phương Nam A	27	
12	TH Phương Nam B	26	
13	TH Phương Nam C	22	
14	TH Quang Trung	52	
15	TH Trần Phú	52	
16	TH&THCS Nam Khê	26	
17	TH&THCS Diên Công	11	
III	THCS	405	
1	TH&THCS Diên Công	13	
2	TH&THCS Nam Khê	19	
3	THCS Bắc Sơn	22	
4	THCS Nguyễn Trãi	63	
5	THCS Phương Đông	46	
6	THCS Phương Nam	43	
7	THCS Trần Quốc Toàn	69	
8	THCS Lý Tự Trọng	22	
9	THCS Nguyễn Văn Cừ	44	
10	THCS Trung Vương	35	
11	THCS Yên Thanh	29	
	Cộng	1352	

DỰ TOÁN
THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số: 18/QĐ- ngày 06 tháng 01 năm 2021 V/v giao Dự toán Thu - Chi ngân sách năm 2021 và Quyết định số: 91/QĐ- ngày 06 tháng 01 năm 2021 V/v điều chỉnh giảm và cấp bổ sung kinh phí)

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG TIỂU HỌC YÊN THANH

(Sở nghiệp Giáo dục)

TỔNG BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2021

46 Người

*Trong đó - Biên chế:

46 Người

- Hợp đồng:

0 Người

I. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH

- Triệu đồng

- Nguồn thu học phí:

Triệu đồng

II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH (1+2)

6.605,41 Triệu đồng

1/ Nguồn ngân sách nhà nước

6.605,408 Triệu đồng

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao (Triệu đồng)	Ghi chú
	Tổng số (a+b)	6.605,408	
a	Nguồn kinh phí tự chủ	6.292,408	
1	Tổng quỹ tiền lương Biên chế (Lương và các khoản đóng góp)	5.464,408	
2	Chi khác: <i>Biên chế:</i>	920,00	
3	<i>(Số liệu giao đã trừ 10% tiết kiệm từ KPHĐ ngoài quỹ lương)</i>	92,00	
b	Nguồn kinh phí không tự chủ	313,00	
1	Hỗ trợ kinh phí Phòng học CN thông minh	50,000	
2	Chế độ MGHP, ăn trưa, hỗ trợ CPHT, trẻ và GV dạy khuyết tật	163,00	
3	Hỗ trợ bảo vệ, vệ sinh	100,00	

Đơn vị dự toán: Trường Tiểu Học Yên Thanh

Mẫu số C6-03/NS

(TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017)
của Bộ Tài chính

Số: 01 Năm NS: 2021

PHIẾU PHÂN BỐ DỰ TOÁN

Nội dung phân bổ: Dự toán chi ngân sách năm 2021

Nguồn kinh phí thực hiện: Theo QĐ số 8236/QĐ-UBND ngày 25/12/2020

"Về việc giao chi tiêu kế hoạch KT-XII và dự toán chi NS, đầu tư XD năm 2021"

Phân khai kinh phí cho Phòng Giáo dục và các đơn vị Trường học theo Quyết định số 18/QĐ-PC/GDDT ngày 06/01/2021 của Phòng Giáo dục & Đào tạo TP. Đông Bắc

STT	Nội dung	Cấp dự toán	Quyết định/Thăng bảo giáo dự toán		Mã loại dự toán	Mã KT	Mã cấp NS	Mã DV/QHNS	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CT/MT, DA và HCT	Mã KĐNN	Mã phân NSNN	Số của		Số tài khoản, số ID, Số giao dịch Deuster
			Số	Ngày										Nợ	Có	
1	Trường TH Yên Thanh	Cấp 1	18	06/01/2021	01	9253	3	1060128	622	070	99999	2812	29		6.442.408.000	
		Cấp 4 (Dự toán tự chủ)	18	06/01/2021	01	9523	3	1077536	622	072	00000	2812	13		6.292.408.000	
		Cấp 4 (Dự toán không tự chủ)	18	06/01/2021	01	9527	3	1077536	622	072	00000	2812	12		150.000.000	
	TỔNG CỘNG													6.442.408.000	6.442.408.000	

Ông B, ngày 11 tháng 01 năm 2021

CQ PGD ghi sổ ngày 11 tháng 01 năm 2021

Người lập



Nguyễn Thị Hằng



HIỆU TRƯỞNG

Kiểm soát



Phạm Thị Thúy Vinh



Mẫu số C6-03/N'S

của Bộ Tài chính

Sđ: 02 Năm NS: 2021

Dạng vi hình: Đồng

CQ PGD ghi số ngày 11 tháng 01 năm 2021

Kiểm soát

Pham Thi Thuy Vinh

